TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 05-6-2026
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phương Trang;

2. Ông Nguyễn Văn Trạng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Sóc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2026/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2026, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 241/2026/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Toà án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 21/4/1981.

Địa chỉ: ấp A, xã B, tỉnh Đồng Tháp

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn S, sinh năm 1984.

Địa chỉ: khóm T, phường H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

+ Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn S được gia đình hai bên đồng ý cho tiến đến hôn nhân. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (cũ), giấy chứng nhận kết hôn số 034/2016, cấp ngày 26 tháng 5 năm 2016. Vợ chồng tôi kết hôn, sống với nhau vẫn có hạnh phúc thời gian đầu. Nhưng được vài năm thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã với nhau, đời sống hôn nhân không có được hạnh phúc. Chị và anh S đã ly thân từ năm 2024 cho đến

nay, không còn sống chung. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống với nhau không có hạnh phúc, không thể hàn gắn được nữa nên yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn S.

+ Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Văn S từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh S biết mà không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ, chứng cứ đã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ kiện "Ly hôn" nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp, được quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt, có đơn xin vắng mặt; Bị đơn anh Lê Văn S đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H với anh Lê Văn S. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân:

Nay chị H cương quyết yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn S. Xét thấy thời gian ly thân của chị H và anh S đã lâu nên tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn S là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp là có căn cứ chấp nhận như nhận định trên.

[5] Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 2 và 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H với anh Lê Văn S.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí:

- Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình là 300.000đồng, được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 2725 ngày 24/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Sửa đổi bổ sung năm 2014)".

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND Khu vực 12 – Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phương Thảo